

BÁO CÁO

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 81, Luật Khoáng sản năm 2010, UBND tỉnh Bình Phước báo cáo như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

1.1. Các văn bản quản lý đã ban hành

Trong năm 2019, UBND tỉnh Bình Phước không xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật

- Để nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản của các tổ chức và người dân, tỉnh Bình Phước đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các quy định của Luật Khoáng sản bằng nhiều hình thức khác nhau như: Cán bộ phụ trách hướng dẫn trực tiếp, thông báo trên bảng thông tin của cơ quan, đăng tải trên các trang thông tin điện tử... Bên cạnh đó, tổ chức tập huấn, giới thiệu Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành đến các cán bộ, công chức làm công tác quản lý tài nguyên khoáng sản. Các Sở, ngành liên quan đã phối hợp thực hiện Kế hoạch số 155/KH-HĐND ngày 09/8/2019 của HĐND tỉnh về việc giám sát công tác quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2019, đã thực hiện 03 Đoàn Giám sát về tình hình hoạt động khoáng sản, cụ thể:

+ Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách - HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện cơ chế phối hợp với các tỉnh trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực khai thác cát, sa khoáng ở hai bên lưu vực sông Đồng Nai. Việc xác minh, giải quyết các nội dung tố cáo, kiến nghị của nhân dân đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác cát trên sông Đồng Nai theo Kế hoạch số 17/KH-HĐND-KTNS ngày 15/5/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách - HĐND tỉnh.

+ Đoàn giám sát của Hội Cựu chiến binh tỉnh giám sát công tác quản lý, cấp phép, xử lý vi phạm đối với hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 12/KH-CCB ngày 12/6/2019 của Hội Cựu chiến binh tỉnh.

+ Đoàn giám sát của HĐND tỉnh giám sát công tác quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 155/KH-HĐND ngày 09/8/2019 của HĐND tỉnh.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản, khoanh định vùng cấm hoạt động khoáng sản

- Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017.

- Phương án khoanh định vùng cấm tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: UBND tỉnh đã thông qua dự án khoanh định vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, đồng thời giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục lấy ý kiến của các Sở, ngành, địa phương có liên quan để tổng hợp, chỉnh sửa trước khi trình UBND tỉnh lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

3.1. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Năm 2019, tỉnh Bình Phước chưa tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3.2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Công tác tiếp nhận hồ sơ thăm dò khoáng sản được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ và theo quy trình “Một cửa” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Các hồ sơ thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản tỉnh và Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tỉnh thẩm định, thông qua trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đối với các hồ sơ khai thác khoáng sản được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 60, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, đảm bảo đúng thời gian quy định. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Kết quả, trong năm 2019, UBND tỉnh đã cấp 06 giấy phép hoạt động khoáng sản, trong đó:

+ Giấy phép thăm dò khoáng sản: 01 Giấy phép thăm dò khoáng sản đá xây dựng.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản: 05 Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng.

(Có phụ lục kèm theo)

3.3. Công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Trong năm 2019, UBND tỉnh đã phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 03 đơn vị với tổng số tiền là 156.606.542.445 đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

Trong năm 2019, UNND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra và xử lý đối với 07 tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền 73.900.000 đồng.

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan chuyên môn của tỉnh đã tích cực hướng dẫn tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ khoáng sản. Đồng thời, nghiêm khắc xử lý những trường hợp khai thác khoáng sản trái phép, khai thác không đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Phước đã phối hợp với các tỉnh: Lâm Đồng, Đồng Nai ban hành quy chế phối hợp để bảo vệ tài nguyên khoáng sản đoạn sông Đồng Nai, giáp ranh giữa 03 tỉnh.

6. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

6.1. Thuận lợi:

Luật Khoáng sản đã đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, nâng cao hiệu lực của cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản. Các văn bản hướng dẫn Luật cũng đã được ban hành tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

6.2. Khó khăn:

- Một số đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật liên quan. Tuy nhiên, cũng còn một số đơn vị chưa lập thiết kế mỏ, chưa bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ hoặc đã bổ nhiệm nhưng chưa phù hợp, chưa lập báo cáo định kỳ về hoạt động khoáng sản hoặc báo cáo không kịp thời ..., chưa quan tâm, tìm hiểu pháp luật về khoáng sản nên chưa chấp hành tốt các quy định của Nhà nước.

- Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra như khai thác đá xây dựng, phún sỏi đỏ (vật liệu san lấp) và sét gạch ngói. Nguyên nhân do khu vực khai thác trái phép thường xảy ra ở vùng sâu, vùng xa, công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác của chính quyền địa phương nơi có khoáng sản còn yếu và thiếu cương quyết.

- Lực lượng cán bộ quản lý khoáng sản ở cấp huyện, cấp xã chưa được bố trí, hoặc được bố trí nhưng kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn còn hạn chế, đội ngũ còn quá mỏng chưa tương xứng với yêu cầu thực tế cả về số lượng và chất lượng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành cấp tỉnh và chính quyền địa phương nên hiệu quả công tác thanh, kiểm tra đạt hiệu quả chưa cao.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản

- Trong năm 2019, các đơn vị được cấp phép thăm dò khoáng sản đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật liên quan, thực hiện đúng các nội dung của Đề án thăm dò đã được phê duyệt, đảm bảo đúng tiến độ, khối lượng và thời gian thăm dò được cấp phép.

- Kết quả thăm dò đánh giá chi tiết về chất lượng, trữ lượng khoáng sản trong khu vực thăm dò, được Hội đồng tư vấn kỹ thuật thăm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tỉnh thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Công tác khai thác khoáng sản

- Nhìn chung, các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Trữ lượng khoáng sản đã được cấp phép cho các doanh nghiệp không biến động nhiều do các mỏ thường có quy mô nhỏ.

- Mặc dù công tác quản lý, thanh kiểm tra hoạt động khoáng sản không ngừng được tăng cường, tuy nhiên trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, làm thất thu ngân sách nhà nước. Hoạt động khai thác trái phép khoáng sản thường diễn ra ở khu vực vùng sâu, vùng xa và vào thời điểm không cố định, ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ, ngày lễ và diễn ra nhanh chóng gây khó khăn cho công tác thanh kiểm tra, xử lý vi phạm.

- Những khó khăn và tồn tại của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản:

+ Việc triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiều bất cập, cụ thể: Phần lớn các đơn vị đều trang bị trạm cân, camera giám sát khu vực khai thác, chế biến khoáng sản để đáp ứng yêu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc bắt buộc trang bị trạm cân đối với một số đơn vị hoạt động quy mô nhỏ, với loại hình khai thác khoáng sản đặc thù như cao lanh, sét gạch ngói, vật liệu san lấp là không phù hợp.

+ Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra.

+ Hiện nay, nhiều đơn vị có nhu cầu đề nghị thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh chưa triển khai được do chưa có kinh phí để thực hiện các thủ tục đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản.

+ Các đơn vị được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đều có nhu cầu bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản. Tuy nhiên, nguồn cán bộ đủ điều kiện theo quy định rất hạn chế, thường không có hoặc có nhưng không đủ điều kiện về kinh nghiệm khai thác thực tế tại mỏ.

+ Sau khi được cấp phép khai thác, việc đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực mỏ không thực hiện được hoặc đền bù không hết diện tích được cấp Giấy phép. Do đó, việc đưa mỏ vào hoạt động thường chậm hơn so với thiết kế được phê duyệt.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Tình hình thu nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2019 như sau:

Tổng số tiền đã thực hiện: 198.146.377.074 đồng, trong đó:

- Thuế tài nguyên: 67.285.000.000 đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 46.498.377.074 đồng.

- Phí bảo vệ môi trường: 21.378.000.000 đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 56.085.000.000 đồng.

- Tổng số tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác đã thực hiện năm 2019: 6.900.000.000 đồng.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NƠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản: do thỏa thuận giữa tổ chức khai thác khoáng sản và các hộ dân.

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm:

- Số lao động sử dụng: 223 người

- Lương bình quân/năm: 70.000.000 đồng/năm.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...): Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã xây dựng đường vào mỏ; sửa chữa đường giao thông nông thôn, làm đường sỏi đỏ tại địa phương, làm đường vào khu vực mỏ, nâng cấp đường vận chuyển từ mỏ ra giao lộ.

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....): đóng góp đá, góp quỹ xây dựng nông thôn mới, các công trình công cộng, phúc lợi xã hội tại địa phương.

5. Bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản:

Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong và sau khai thác khoáng sản, cụ thể như: Thực hiện việc giám sát chất lượng môi trường định kỳ, quản lý và thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại theo quy định, trồng cây xanh, tưới nước và vệ sinh đường vận chuyển, khu vực máy xay nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường; trang bị bảo hộ lao động; sử dụng công nghệ tiên tiến giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

IV. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, UBND tỉnh Bình Phước đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản tại địa phương.

Trên đây là Báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản năm 2019, UBND tỉnh Bình Phước báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
- Tổng cục ĐC & KS Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KS HĐKS miền Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP; P.KT;
- Lưu: VT.(Trung) 6



BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha)	Ghi chú
I	Giấy phép do Bộ TN&MT cấp: Không có						
II	Giấy phép UBND tỉnh cấp						
1	08/GP-UBND	01/02/2019	Đá xây dựng	Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Thiên Phúc BP	Xã Lộc An, huyện Lộc Ninh	20	

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP TỈNH CẤP NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích thăm dò (ha)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt (m ³)		Ghi chú
						Cấp 121	Cấp 122	
1	08/GP-UBND	01/02/2019	Đá xây dựng	20	Xã Lộc An, huyện Lộc Ninh	786.661	817.259	Quyết định phê duyệt trữ lượng số 1694/QĐ-UBND ngày 14/8/2019
2	30/GP-UBND	17/4/2017	Sét gạch ngói	22,75	Xã An Khương, huyện Hớn Quản	- 406.051(sét) - 243.060 (vật liệu san lấp)	-534.822 (sét) - 672.039 (vật liệu san lấp)	Quyết định phê duyệt trữ lượng số 1714/QĐ-UBND ngày 19/8/2019



BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
I	Giấy phép do Bộ TN&MT cấp: không							
II	Giấy phép do UBND tỉnh cấp							
1	01/GP-UBND 08/01/2019	Đá xây dựng	Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần đá Núi Nhỏ	xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	51,5	22.509.268	1.000.000	
2	03/GP-UBND 21/01/2019	Đá xây dựng	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bình Dương	xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	50,0	23.739.023	1.000.000	
3	34/GP-UBND 27/5/2019	Đá xây dựng	Công ty cổ phần xây lắp Miền Nam Bình Phước	xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú	17,545	1.839.365	50.000	
4	54/GP-UBND 14/8/2019	Đá xây dựng	Công ty cổ phần Hóa An	Xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản	18,5263	6.341.768	300.000	
5	68/GP-UBND	Đá xây dựng	Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước	Xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài	28,7	4.282.064	170.000	

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Loại khoáng sản	S.lượng KS nguyên khai (tấn, m3)	Khối lượng KS đã X.khẩu (tấn, m3)	Tiền cấp quyền KTKS (đồng)	Tiền trúng Đ.giá quyền KTKS (đồng)	Tổng doanh thu (đồng)	Thuế tài nguyên (đồng)	Thuế xuất khẩu KS (đồng)	Thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)	Tiền ký quỹ P.hồi môi trường (đồng)	Phí bảo vệ môi trường (đồng)	Số lao động S.dụng (người)	Ghi chú
1	Đá vôi	3.044.855	0	56.085.000.000	0	3.311.664	67.285.000.000	0	46.498.377.074	6.900.000.000	21.378.000.000	223	
2	Puzolan	16.461,578	0		0								
3	Kaolanh	48.430	0		0			11.835.121.084					
4	Đá xây dựng	1.693.791	0		0			293.508.647.530					
5	Sét gạch ngói	10.000	0		0								
6	Cát xây dựng	2.000	0		0			1.211.086.390					
7	Vật liệu san lấp												Chưa có số liệu báo cáo